

NHỮNG HOẠT ĐỘNG KINH LƯỢC CỦA TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ

■ LƯU MINH TRIỀU (*)

Tóm tắt

Quản lý một đất nước rộng lớn, nhà Nguyễn hiểu rõ giữ vững sự thống trị của dòng họ cũng như xây dựng một đất nước ổn định là một nhiệm vụ rất khó. Các vua tổ chức những chuyến kinh lược chọn lựa những đại thần có uy tín và tài năng đến các địa phương kiểm tra quan lại, khắc phục thiên tai, nạn binh đao... Kinh lược cũng là cách mà triều đình kiểm tra, đánh giá năng lực làm việc của những đại thần được giao nhiệm vụ. Trương Đăng Quế là một trong số những người thường xuyên được vua tin nhiệm giao chức kinh lược sứ. Bài viết này thông qua nhiều tư liệu khác nhau để tổng hợp những hoạt động kinh lược của ông, qua đó góp phần làm sáng tỏ hơn sự nghiệp của ông trong lịch sử Việt Nam.

Từ khóa: Kinh lược, nhà Nguyễn, Trương Đăng Quế, kinh lược sứ...

1. Đặt vấn đề

Những vị vua chúa muốn trị quốc, tổ chức và quản lý xã hội được ổn định thì cần phải xây dựng được bộ máy quan lại trong sạch và vững mạnh. Bởi họ đều hiểu rõ chăm lo cho người dân an cư lạc nghiệp chính là cách tốt nhất giữ vững cơ nghiệp của dòng họ. Nhà Nguyễn cũng không phải là ngoại lệ.

Các vua triều Nguyễn đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau để có thể tìm kiếm được những quan lại tận tâm, thanh liêm, chính trực, có thể bày mưu góp ý giúp vua trong việc xây dựng và quản lý đất nước. Trương Đăng Quế chính là một trong những người đáp ứng được những yêu cầu trên.

Trải qua ba triều vua từ Minh Mệnh cho đến Tự Đức, ông luôn nhận được sự tin nhiệm của vua và thường được chọn trong những hoạt động kinh lược của triều đình.

Năm 1994, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức một cuộc hội thảo về Trương Đăng Quế. Những bài tham luận đã bước đầu làm rõ nhiều vấn đề về cuộc đời và sự nghiệp của ông, nhưng hoạt động kinh lược của ông được đề cập rất ít.

Trên tạp chí Xưa&Nay có đăng nhiều bài liên quan đến ông, nhưng những bài nhắc đến những đợt kinh lược của ông có thể kể đến *Quận công Trương Đăng Quế - cuộc đời và sự nghiệp* của Hoàng Ngọc Cương (số 494/2018), *Trương Đăng Quế - cuộc đời và sự nghiệp* của Nguyễn Minh Tường (số 548/2023), *Trương Đăng Quế - Kinh lược sứ Nam Kỳ* của Nguyễn Đình Đầu (số 548/2023). Những bài viết này đều đề cập đến chuyến kinh lược Nam Kỳ của vị đại thần họ Trương, riêng bài *Trương Đăng Quế với những chuyến kinh lý...* của Trương Quang Văn (số 46B/1997) có đề cập lướt qua về nhiệm vụ kinh lược năm 1853.

Năm 2006, tạp chí Nghiên cứu Lịch sử có đăng bài của tác giả Vũ Văn Quân với nhan đề là *Trương Đăng Quế và công cuộc kinh lý vùng đất Nam Bộ năm 1836*. Bài viết này nghiên cứu trực tiếp và chi tiết về chuyến đi năm Minh Mệnh thứ 17, nhưng tác giả chỉ tập trung nhiều vào công việc đặc điển, chưa đi sâu vào việc sắp xếp lại hệ thống giao thông đường thủy cũng như việc kiểm tra những vị trí hiểm yếu của Nam Kỳ.

Nhìn chung, những hoạt động kinh lược của Trương Đăng Quế đã có những nghiên cứu riêng

(*) Cử nhân, Hội Khoa học Lịch sử TP. Hồ Chí Minh - SĐT: 0785366906 - Email: trieu.luuminh@gmail.com

nhưng hầu như chỉ tập trung vào chuyển kinh lược năm 1836. Bài viết này cố gắng trình bày có hệ thống những chuyển kinh lược của ông, qua đó góp phần làm rõ hơn những đóng góp của ông với sự nghiệp xây dựng đất nước thời Nguyễn.

2. Nội dung

2.1. Sơ lược vài nét về cuộc đời của danh thần Trương Đăng Quế

Trương Đăng Quế (1793 – 1865) là người làng Mỹ Khê Tây, huyện Bình Sơn (nay là xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi). Ông là người khai khoa đầu tiên của phủ Quảng Ngãi và ông bước chân vào quan trường từ khoa thi Kỷ Mão (1819).

Ông là một trong những đại thần tận tụy phục vụ triều đình, làm việc nghiêm túc và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, là người có những đề xuất hợp lý giúp vua xử lý những vấn đề nan giải của đất nước. Các vua Nguyễn đều có những đánh giá cao về ông như “trọn đạo làm tôi, một lòng công trung, bày mưu dưới trướng, ra sức giúp việc ngoài biên” (lời vua Minh Mệnh trước khi băng hà); “Trương Thái bảo...giúp ta mưu tính việc chính trị, đã lâu năm đến nay, dân yên, nước trị, văn thịnh, vũ thành” (di chiếu của Thiệu Trị).

Năm 1820, ông khởi đầu sự nghiệp quan trường với chức Hành tẩu bộ Lễ, sau thăng lên Biên tu. Mười năm sau, ông được thăng chức làm việc ở bộ Công, sau chuyển sang bộ Lễ.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ kiểm binh ở Bắc Hà, ông được điều sang làm việc ở bộ Hộ, rồi bộ Binh, kiêm giữ ấn triện Viện Đô sát sung Cơ mật viện Đại thần.

Đến năm 1833, ông được gia hàm Thái tử Thiếu bảo. Ba năm sau, ông lĩnh mệnh kinh lược Nam Kỳ và hoàn thành tốt nhiệm vụ, được phong chức Hiệp biện Đại học sĩ. Năm 1839, triều đình xét công lao của ông trong chuyến đi này nên tấn phong cho ông là Tuy Tịnh Nam.

Ngay trong năm đầu của vua Thiệu Trị, ông giữ chức thự Văn Minh điện Đại học sĩ, gia hàm Thái bảo, vẫn giữ bộ Binh, kiêm Cơ mật viện. Qua năm sau, ông được tấn phong tước Tử, rồi tước Bá (1846). Vua còn ban cho tấm bài bằng ngọc khắc bốn chữ “Cổ mệnh lương thần” và hình con giác doan bằng vàng. Sau đó, triều đình xét việc Trấn Tây, ông tích cực đóng góp kế hay nên được vua cho khắc tên vào cổ đại bác “Bảo đại định công”.

Năm đầu Tự Đức, ông được tấn phong Quận công, giữ chức Cản Chánh điện Đại học sĩ. Năm 1850, ông khâm mệnh duyệt binh. Năm 1853, ông lãnh nhiệm vụ Kinh lược đề điều. Mười năm sau, ông được vua đồng ý cho nghỉ hưu và đến năm 1865, ông mất, hưởng thọ 73 tuổi.

Trong khoảng thời gian hơn bốn mươi năm làm quan, ông còn được triều đình giao cho kiêm quản nhiều nhiệm vụ ở các cơ quan khác như Quốc Tử Giám (1838), sung chức Đồng lý lo việc xây lăng cho vua Minh Mệnh (1840), Tổng tài Quốc sử quán (1841)... Ngoài ra, ông còn hai lần được giao nhiệm vụ Phụ chính đại thần giúp việc cho vua Thiệu Trị và Tự Đức.

Ngoài ra, ông còn để lại nhiều tác phẩm như *Quảng Khê văn tập*, *Trương Quảng Khê văn tập*, *Trương Quảng Khê tiên sinh tập*, *Sứ trình vạn lý tập*, *Duyệt Giáp Thìn khoa Điện thí văn*, *Vê Diệt Liên thi tập*. Đặc biệt ông có viết quyển *Nhật Bản kiến văn lục* ghi chép về đất nước và người Nhật Bản, sách binh thư *Thủy chiến tiên cơ quyết thắng*.

Ông còn tham gia biên soạn những quyển sử quan trọng của triều đình như *Ngự chế tiểu bình lương kỳ nghịch phi phương lược*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam liệt truyện*...

Ông là một trong những đại thần tài năng, có đức độ lớn nên được triều đình tin tưởng, nhiều lần được giao nhiệm vụ Kinh lược đại thần và ông đã hoàn thành rất xuất sắc công việc đó.

2.2. Những hoạt động kinh lược của Trương Đăng Quế

Dưới triều Nguyễn, nhiệm vụ kiểm tra và giám sát những hoạt động của các quan và của các địa phương thuộc về Đô sát viện. Cơ quan này làm việc độc lập, mỗi viên quan trong bộ máy này đều có quyền tấu trình lên vua và không cần xin ý kiến của người đứng đầu cơ quan.

Bên cạnh đó, triều đình còn tạo ra chế độ giám sát đặc biệt, gọi là Kinh lược đại sứ. Vua cử một nhóm người đại diện cho vua đi đến các địa phương giải quyết các công việc như kiện tụng, đề điều, thiên tai, quốc phòng...

Để làm được những nhiệm vụ đó, họ được vua giao cho quyền hạn rất lớn. Do đó, triều đình thường chọn lựa những đại thần có uy tín và tài năng để dẫn đầu đoàn, họ được gọi là Kinh lược đại sứ.

2.2.1. Chuyển kinh lược Nam Kỳ năm 1836

Năm 1836, triều đình quyết định thành lập đoàn đi kinh lý sáu tỉnh Nam Kỳ với những thành viên được chọn là Binh bộ Thượng thư Trương Đăng Quế và Lại bộ Thượng thư Nguyễn Kim Bảng làm Kinh lược đại sứ, thự Lễ bộ Hữu Thị lang Tôn Thất Bạch và thự Thông chính sứ Nguyễn Đắc Trí làm phó sứ.

Nguyên nhân thành lập đoàn kinh lược là do: “Vài mươi năm gần đây vì những người được chuyên quyền trọng trấn như Hoàng Công Lý và Lê Văn Duyệt chỉ biết tham lam què kệch để mưu việc riêng, quen thói

kiêu căng mà xúc phạm người trên. Việc cai trị và phép tắc làm quan ngày một bỏ mất, phong tục nhân dân và lễ thói nhân sĩ dần dần kiêu căng xa xỉ. Tệ hại đồn chũa, lâu ngày quen nếp, gây nên tai họa biển loạn: Lê Văn Khôi giữ thành làm phản gieo vạ đến dân đen. Giặc Xiêm nhòm được kẽ hở kéo đến xâm lấn, làm cho tai vạ lan rộng biên thùy...Lại nghĩ: Đất khởi nghiệp vương trải qua một phen biển loạn này, việc quân việc dân còn có những tệ hại đọng lại chưa sửa đổi hết, thì buộc phải chấn chỉnh sửa sang lại; dân tình còn có những điều oan ức chưa thông đạt được hết thì buộc phải xét xử và thân oan..." (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 878 – 879).

Nguyên nhân thứ hai là do: "Việc ranh giới ruộng đất lại càng trọng yếu. Xưa nay ruộng đất đều có ghi rõ mẫu, sào, thước, tấc, đó là phép thường, không thay đổi. Các tỉnh trong khắp nước đều như thế cả, há có lý nào sáu tỉnh Nam Kỳ lại khác, riêng theo nếp cũ hay sao? Trong sổ ruộng ít thấy ghi rõ mẫu, sào và tăng bậc đẳng điền, mà cứ tính là một dây, 1 thửa, có đến 8, 9 phần 10. Như vậy không những hầu như què mùa, không phải là quy chế thống nhất, mà ranh giới lại không rõ ràng, lại dễ sinh ra mối tệ. Nếu xảy án kiện tranh giành thì đồng tây tứ chí lờ mờ, không lấy đâu làm chứng cứ; quan lại giáo quyết, cường hào điều toa càng dễ xoay xỏa, thì lấy gì mà xử án dứt khoát và dập tắt tranh giành?" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 879).

Vua Minh Mệnh cũng nói rõ việc đo ruộng không phải để triều đình có cơ tăng thuế, mục đích chỉ là để giúp dân hưởng thái bình. Do đó, vua nhắc nhở các quan làm nhiệm vụ phải tuyên truyền cho dân được rõ, nếu ai khai gian báo dối thì sẽ bị nghiêm trị. Đồng thời vua cũng nhắc các đại thần phải làm việc nghiêm chỉnh, bởi đây là sứ mệnh quan trọng.

Những nguyên nhân được đưa ra ở trên vẫn còn thiếu khi nói đến quyết tâm của vua Minh Mệnh trong việc tổ chức đoàn kinh lược. Theo Choi Byung Wook, một lý do thực tế hơn đó chính là việc triều đình cần nhanh chóng ổn định Nam Kỳ để tăng cường đội ngũ binh lính và thuế nhằm duy trì kiểm soát Trấn Tây thành (vùng đất được sáp nhập vào Việt Nam năm 1835), đó chính là lời giải thích cho việc vua kiên quyết thực thi ý định của mình, gạt bỏ mọi ý kiến của một số quan lại (trong đó có Trương Đăng Quế).

Tuy nhiên, khi đoàn đến nơi, Nguyễn Kim Bảng đã bị bệnh. Do đó, Trương Minh Giảng đã được thay thế. Sau năm tháng làm việc khẩn trương và vượt qua những gian khó, đoàn kinh lý đã thu được nhiều thành quả quan trọng như:

Thứ nhất, hoàn thành việc lập địa bạ ở Nam Kỳ. Trương Đăng Quế cùng các cộng sự đã đã báo cáo kết quả đặc điển như sau: Ruộng đất nộp thuế là lĩnh

20.197 sớ, 13 dây, 8 khoảnh và hơn 3.464 mẫu. Nay đặc thành các hạng ruộng đất là hơn 630.075 mẫu. Lại nguyên ruộng trước có hơn 65 sớ, nay khám ra đã thành 1.017 cái ao cá (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 983). Bên cạnh đó, việc tuyển chọn lính ở các tỉnh cũng được hoàn tất.

Thứ hai, trừng trị những tham quan ô lại, sách nhiễu dân như trường hợp của Tổng Hữu Tài ở Gia Định. Nhưng với sự việc của Lãnh binh Hà Tiên Hoàng Văn Lý, vua Minh Mệnh đã nhắc nhở các quan kinh lược phải đợi chờ lệnh của vua chứ không nên chuyên quyền. Ngoài ra, đoàn còn tấu về triều những trường hợp quan lại đã đến tuổi nghỉ hưu, cần tìm người khác thay thế.

Thứ ba, sắp xếp lại hệ thống giao thông đường thủy, ban hành luật lệ lưu thông trên vùng sông nước. Năm 1835, quan tỉnh An Giang tâu báo rằng dân lục tỉnh chuộng thương bỏ nông, thêm nữa thuyền buôn lại không đánh thuế, do đó cần khám kỹ các thuyền ở sông trong hạt, chia ra từng hạng, cấp bằng, đánh thuế. Vua Minh Mệnh cho rằng có thể thi hành nhưng Nam Kỳ chưa yên, đợi sau thi hành. Nay Bố chính Vĩnh Long Trương Văn Uyển gửi bản tấu về triều xin kiểm tra lại các thuyền ở khu vực Nam Kỳ, bởi việc người Việt kết hợp gian thương người Hoa buôn lậu gạo bằng đường sông và đưa thuốc phiện về các địa phương, cùng với việc tội phạm lợi dụng những tuyến đường thủy để ẩn nấp ngày càng nghiêm trọng và khó kiểm soát.

Bản tấu của quan tỉnh Vĩnh Long cũng đề nghị cấm đi biển đối với người Hoa và vua Minh Mệnh đã đồng ý. Lệnh cấm này qua các năm sau càng được siết chặt hơn.

Triều đình đã cho Trương Đăng Quế cùng các cộng sự tra xét và sau đó họ đã tấu xin: "*Phàm tất cả thuyền bè mới cũ của dân đều cho trình sớ tại để cấp bài chỉ cấm ở mũi thuyền, hoặc là khắc chữ (ghi khắc tên xã, thôn) ở mũi thuyền. Lại chia đặt việc tuần sông, liệu thiết lập đồn xích hậu, xét ra kẻ nào đội tên giả mạo thì bắt tội*" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 942). Cùng với đó, đoàn kinh lược cũng tâu xin thuyền ở Nam Kỳ phải sơn màu để phân biệt từng tỉnh và tiện tra xét, theo đó Gia Định sơn tuyến màu đỏ; Biên Hòa sơn đỏ, ngoài viền màu đen; Định Tường sơn đen, ngoài viền màu hồng; Trấn Tây và An Giang sơn tuyến màu lục; Hà Tiên sơn màu lục, ngoài viền màu đỏ.

Thứ tư là kiểm tra, xây dựng thêm những đồn ải ở vị trí hiểm yếu của Nam Kỳ. Khu vực Cần Giờ thì phái riêng một đội đến trú phòng. Trương Đăng Quế cùng các cộng sự cũng tâu xin thành lập phủ lý ở đạo Quang Hóa, xây dựng thêm đồn lũy để có thể làm phen giậu

cho Gia Định cũng như tăng thêm thanh thế cho Trấn Tây. Do đó, vua Minh Mệnh đã quyết định đặt phủ Tây Ninh thuộc Gia Định, lĩnh hai huyện Tân Ninh và Quang Hóa.

Chuyến kinh lược Nam Kỳ thành công tốt đẹp. Vua Minh Mệnh rất vui bởi vì “*bờ cõi đã đúng, kẻ giàu không được bá chiếm, người nghèo đều có “tư sản”, mà thuế khóa lại khoan giảm*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 4, tr. 304). Công của Trương Đăng Quế không khác những người có công mở mang bờ cõi.

2.2.2. Kinh lược Thanh Hoa năm 1837

Sau chuyến đi Nam Kỳ, Trương Đăng Quế tiếp tục được vua Minh Mệnh tin tưởng giao trọng trách Kinh lược sứ Thanh Hoa. Khu vực này nhiều năm liền luôn là địa bàn của những cuộc nổi dậy “phù Lê diệt Nguyễn”, khiến cho triều đình hao tổn binh tướng đã nhiều mà vẫn chưa dẹp yên.

Nhiệm vụ của Trương Đăng Quế là vừa đàn áp vừa phủ dụ, nếu kẻ nào chống cự sẽ phái binh tiêu trừ, sau khi dẹp yên những cuộc nổi dậy thì chấn chỉnh lại những thói hủ lậu của người Thổ, chia thôn xã và chọn đặt đồn bảo.

Sau khi đến nơi, ông tâu xin triều đình xây dựng đồn Ninh Lương để trấn áp giặc, mặt khác cần áp dụng chính sách “dùng Man trị Man”. Vua Minh Mệnh chuẩn y.

Đạo quân của Trương Đăng Quế cùng với những cánh quân khác của triều đình đã nhanh chóng dẹp yên cuộc nổi dậy của Lê Duy Hiến. Sau đó, ông đã tâu xin triều đình chia tách địa giới hành chính ở miền núi Thanh Hoa để thành lập một đơn vị mới, cụ thể: “*Chia Trịnh Vạn ra làm 2 xã, hợp với 2 xã Thọ Thắng, Mậu Lộc, gọi là tổng Trịnh Vạn; chia Quân Thiên, Lâm Lộ làm 8 xã thôn, gọi là tổng Quân Nhân. Lại trích tổng Như Lăng, Lôi Dương, Luận Khê thuộc huyện Nông Cống gần đấy, tất cả 4 tổng đặt riêng là châu Thường Xuân, làm đồn ở Trịnh Vạn để làm nơi châu lý. Lại Cẩm Thủy chia đặt huyện lý, mà hạt ấy dân cư đông đúc và không có núi khe hiểm xa, xin làm huyện lý ở đất xã Thạch Lâm (ở bên tả sông Mã)*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 5, tr. 64). Vua đều chuẩn y lời tâu.

Tiếp theo, ông dâng bản tấu trình bày về công việc kinh lý, gồm có những vấn đề như:

Thứ nhất là đổi toàn bộ sách động làm xã thôn, làm sổ sách đình điền; bãi bỏ quyền thế tập của các thổ tù, những người lúc trước được triều đình ban sắc nay phải thu hồi, chỉ giữ lại người có thực tài cho theo tình sai phái.

Thứ hai là dân cư ở nơi đã đổi thành xã thôn thì cử người đầu mục thật thà làm cai tổng, phó tổng thì tri châu, tri huyện xử lý suất các việc quan.

Thứ ba là nơi nào địa thế hẹp thì chỉ đổi tên xã thôn, nơi nào rộng thì phân nhỏ thành các xã, sau đó chọn người khỏe mạnh ra thú biên vào sổ đình, sổ điền phải kê khai thêm ruộng đất bỏ hoang.

Thứ tư là tha cho những người đến hàng, giao nộp vũ khí, quan lại cần chỉ bảo để họ làm điều lành.

Thứ năm là làm sổ đình điền giống như người Kinh.

Thứ sáu là phổ cập giáo dục, văn hóa Nho giáo cho những người thiếu số.

Thứ bảy là miễn giảm thuế đình điền cho những địa phương bị ảnh hưởng bởi chiến tranh.

Thứ tám là đợi sau ba năm yên ổn sẽ tiến hành làm sổ đình bạ và địa bạ.

Thứ chín là phái thêm quân đến đóng ở chỗ quan yếu đồn Ninh Lương. Vũ khí do dân nộp sẽ do tỉnh lập danh sách quản lý. Tùy theo địa thế xa gần, đình điền nhiều ít, chia đặt tổng làng, làm ra sổ sách.

Bản tấu của ông đã được vua Minh Mệnh chuẩn y, trừ việc làm sổ địa bạ và đình bạ không cần chờ đến ba năm; vũ khí dân giao nộp thì trả tiền cho cái nào còn dùng được thì 5 quan, không dùng được thì 3 quan để họ có vốn mua trâu bò cày cấy làm ăn. Còn việc thêm quân đến đồn Ninh Lương thì không cần thiết. Chuyến kinh lý của ông đã thu được thành quả lớn, “*sự dẹp loạn đưa đến sự an dân, sự cai trị người Mường, người Thái ở Thanh Hóa, Ninh Bình, Hòa Bình bây giờ*” (Nguyễn Thiệu Lâu, 1944, số 65, tr.25).

Vì sao Trương Đăng Quế lại thành công trong việc dập tắt lò lửa Thanh Hóa? Tác giả Phan Bảo đã chỉ ra một nguyên nhân quan trọng, đó là do: “*Hai ông quan đại thần không tiến hành càn quét tìm diệt quân phiến loạn như đốc viên bổ chính Nguyễn Đăng Giai mà làm như là thanh tra hành chính từ huyện trở xuống khắp miền núi Thanh Hóa, sắp xếp lại tổ chức mọi xã thôn, nâng cao cấp hành chính, đầu tư văn hóa giáo dục, thế là mọi thứ tự yên, thủ lĩnh quân phiến loạn phải bó tay chịu chết*” (Phan Bảo, 2008, 513).

Chuyến kinh lược của Trương Đăng Quế thành công còn cho thấy sự điều chỉnh hợp lý trong chính sách nhu viễn của vua Minh Mệnh. Đối với những vùng có người dân tộc thiểu số sinh sống, triều đình cần những biện pháp linh hoạt, mềm dẻo để thu phục và quản lý những địa bàn này, chấm dứt tình trạng ly khai, đảm bảo sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

2.2.3. Kiểm tra đề điều

Việt Nam là một quốc gia nông nghiệp, do đó vấn đề đề điều cùng với thủy lợi là một trong những việc quan trọng và luôn được triều đình ưu tiên hàng đầu trong những chính sách trị quốc an dân. Tuy nhiên,

nhà Nguyễn lại gặp rất nhiều khó khăn trước ý kiến phá đê hay giữ đê.

Năm 1852, một cuộc tranh luận về phá đê hay giữ đê dưới triều vua Tự Đức được mở ra nhưng không có bên nào thắng thế. Năm sau, triều đình đã sai Trương Đăng Quế làm Kinh lý hà đê Chánh sứ, Nguyễn Đăng Giai làm phó sứ kiểm tra đê điều ở Bắc Bộ. Sau đó, họ đã tâu xin sửa chữa đê điều ở Hà Nội và khai đào hai sông Thiên Đức, Hàm Long.

Không có nhiều thông tin về sông Hàm Long, trong khi sông Thiên Đức (hay sông Đuống) đã được vua quan bàn luận về việc xây dựng công trình thoát lũ từ thời vua Minh Mệnh. Đến thời Tự Đức, sau khi có báo cáo của đoàn kinh lược của Trương Đăng Quế, công việc này lại bị triều đình trì hoãn, dẫn đến suy tính.

Năm 1858, việc trừ tính nhân công phí tổn để khơi sông Thiên Đức được vua Tự Đức chuẩn tấu và quyết định năm sau thi hành, điều đó cũng có nghĩa là vua đã quyết định đứng về phía của nhóm giữ đê. Tuy nhiên, công quỹ triều đình lúc này đã không thể đảm bảo cho việc thực hiện cùng lúc hai nhiệm vụ đắp đê và khai đào sông. Chính vì thế, đại thần Trương Đăng Quế đã có bản tấu đề nghị đắp đê trước: Việc giữ đê ở Bắc Kỳ, không đâu xung yếu bằng Hà Nội. Sở dĩ đê ở Hà Nội và Hưng Yên vỡ thường xuyên là do địa thế thấp, nước chảy mạnh, đê không vững. Cần đắp đê ở hai tỉnh này trước, lấy công thuê thay phát chẩn, làm cho đê vững bền thì có thể giữ được vài năm, sau đó mới tính chuyện khai sông. Sông Thiên Đức phải khơi thông để nước chảy về đồng để có lợi (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tập 7, tr. 544).

Vua Tự Đức đã đồng ý cho thi hành. Tuy nhiên, việc thiếu tài chính, nhân lực và những nguyên nhân

khác đã khiến triều Nguyễn thất bại trong việc thực hiện kế hoạch này.

Có thể nhận thấy, vị đại thần tam triều nguyên lão này đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh lược, không phụ sự tin nhiệm của vua, góp phần quan trọng giúp triều đình nắm được tình hình của các địa phương và kịp thời ban hành những chính sách ổn định đời sống của dân. Việc ông được đưa vào phối thờ trong Thế Miếu chính là một phần thưởng xứng đáng cũng như là lời khẳng định công lao của ông đối với sự nghiệp xây dựng đất nước của họ Nguyễn.

3. Một vài đánh giá, nhận xét

Hơn bốn mươi năm quan trường qua ba đời vua triều Nguyễn, Trương Đăng Quế là một đại thần có rất nhiều những đóng góp nổi bật trên tất cả các lĩnh vực. Dù ở chức vụ nào, ông cũng đều hoàn thành được trọng trách mà triều đình giao phó. Do đó, ông luôn được vua tin tưởng giao cho nhiệm vụ kinh lược ở những khu vực căng thẳng, bất ổn, khu vực trọng yếu của đất nước.

Kết quả của những cuộc kinh lược đã giúp cho triều đình tăng cường và đảm bảo sự cai trị của triều đình trung ương ở những vùng đất mới như Nam Kỳ hay những nơi luôn đặt trong tình trạng báo động như Thanh Hóa.

Thông qua những chuyến kinh lược của Trương Đăng Quế, triều đình cũng nhanh chóng ban hành những chính sách ổn định đất nước, tìm cách phòng chống, khắc phục những hậu quả do tai biến tự nhiên gây ra, qua đó giúp người dân có thể an cư lạc nghiệp và đó cũng chính là cách xây dựng niềm tin của dân vào sự lãnh đạo của triều đình./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Choi Byung Wook (2011), *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Đỗ Đức Hùng (1995), *Vấn đề trị thủy ở đồng bằng Bắc Bộ dưới triều Nguyễn (Thế kỷ XIX)*, Bản tóm tắt Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Viện Sử học, Hà Nội.
3. Nguyễn Minh Tường (2017), *Chính sách đối với dân tộc thiểu số của nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Thiệu Lâu (1944), “Nhà Nguyễn, nhà Lê”, *Tuần báo Thanh Nghị*, số 65, ngày 13/5.
5. Nguyễn Văn Chừng, Dương Minh Chính, Lê Văn Công, Lê Sơn và Nguyễn Văn Thanh (2008), *Trương Đăng Quế – Cuộc đời & Sự nghiệp*, Nxb Văn học, Hà Nội.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện*, tập 3, Viện Sử học dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, tập 7, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 4, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 5, Viện Sử học dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. UBND tỉnh Thanh Hóa & Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
11. Vũ Văn Quân (2006), “Trương Đăng Quế và công cuộc kinh lý vùng đất Nam Bộ năm 1836”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 7, tr. 36 – 43.